

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09 /HTX NNBV QUẢNG NAM /2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

- Tên công ty: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG QUẢNG NAM**
 - Địa chỉ: Đội 4, Thôn Hà Nha, Xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
 - Điện thoại: 0356.21.22.99
 - E-mail: hapinutvn@gmail.com
 - Mã số doanh nghiệp: 4001238690
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 33/2022/GCNATTP-SCT. Ngày cấp: 23/11/2022.
- Nơi cấp: Sở Công Thương Tỉnh Quảng Nam

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **QUẢNG NOODLE KIT (BỘ MÌ QUẢNG TRỌN VỊ)**
- Thành phần cấu tạo:

Mì Quảng: Bột gạo (90%), Nước (9.7%), Muối (0.3%)

Gói sốt Quảng trọn vị: Nước, Muối, Dầu Tinh Luyện, Chất Điều Vị (621), Đường Tinh Luyện, Củ Nén, Hành Tím, Chiết Xuất Nấm Men, Tỏi, Bột Nghệ, Chất Ổn Định (1422), Tiêu.

- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất (NSX), Hạn sử dụng (HSD) xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng gói với khối lượng tịnh:

+ **Túi:** 210g (Mì Quảng + gói sốt)

+ **Gói sốt** (Bên trong Túi): 60g hoặc đóng gói theo nhu cầu khách hàng.

- **Chất liệu bao bì:** - Sản phẩm bún được đóng gói trong túi nhôm kín chuyên dụng. Sản phẩm sốt được đóng gói kín trong túi màng phức hợp, không tiếp xúc không khí bên ngoài. Bao ngoài là thùng carton. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Cơ sở sản xuất: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG QUẢNG NAM
- Địa chỉ: Đội 4, Thôn Hà nha, Xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam
- Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến), Nhãn sản phẩm có nội dung phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 về nhãn hàng hóa (Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm
- QCVN 8-1: 2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2: 2011/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QĐ 46/2007/QĐ-BYT - Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Nam, ngày 17 tháng 06 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG TIÊU CHUẨN CỦA SẢN PHẨM

QUẢNG NOODLE KIT (Bộ Mì Quảng trộn vị)

I/ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM: MÌ QUẢNG

1. CÁC CHỈ TIÊU VI SINH: (Áp dụng theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^6$
2	Coliforms	CFU/g	$\leq 10^3$
3	E.Coli	CFU/g	$\leq 10^2$
4	S. Aureus	CFU/g	$\leq 10^2$
5	B. Cereus	CFU/g	$\leq 10^2$
6	Cl. Perfringens	CFU/g	$\leq 10^2$
7	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^3$

2. CÁC CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG: (Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,4$
2	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 0,2$

3. CÁC CHỈ TIÊU ĐỘC TÓ VI NẤM: (Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Aflatoxin B ₁	µg/kg	≤ 5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	≤ 10
3	Ochratoxin A	µg/kg	≤ 3
4	Zearalenone	µg/kg	≤ 75
5	Deoxynivalenol	µg/kg	≤ 750

0123863
TÁC XÃ
NGHIỆP
VÙNG
ANG NAM
T. QUẢNG

II/ TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM: GÓI SÓT QUẢNG TRỌN VỊ

1. CÁC CHỈ TIÊU VI SINH: (Áp dụng theo Quyết định 46/2007/QĐ-BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$\leq 10^4$
2	Coliforms	CFU/g	$\leq 10^2$
3	E.Coli	MPN/g	≤ 3
4	Salmonella	/25g	Không được có
5	S. Aureus	CFU/g	$\leq 10^2$
6	Tổng số nấm men - nấm mốc	CFU/g	$\leq 10^2$

2. CÁC CHỈ TIÊU KIM LOẠI NẶNG: (Áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	≤ 1
2	Chì (Pb)	mg/kg	≤ 2
3	Arsen (As)	mg/kg	≤ 1
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,05$

3. CÁC CHỈ TIÊU ĐỘC TÓ VI NẤM: (Áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới Hạn Tối Đa
1	Aflatoxin B ₁	$\mu\text{g/kg}$	≤ 5
2	Aflatoxin B ₁ B ₂ G ₁ G ₂	$\mu\text{g/kg}$	≤ 10
3	Ochratoxin A	$\mu\text{g/kg}$	≤ 30

(DỰ THẢO) NỘI DUNG NHÃN SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: QUẢNG NOODLE KIT (Bộ Mì Quảng trộn vị)

Thành phần:

Sợi bún: Bột gạo (90%), Nước (9.7%), Muối (0.3%)

Gói sốt Quảng trộn vị: Nước, Muối, Dầu Tinh Luyện, **Chất Điều Vị (621)**, Đường Tinh Luyện, Củ Nén, Hành Tím, Chiết Xuất Nấm Men, Tỏi, Bột Nghệ, **Chất Ổn Định (1422)**, Tiêu.

Khối lượng tịnh: 210g /Túi

Hướng dẫn sử dụng:

B1: Cho vào nồi nước 1 lít nước cùng với gói sốt của Bộ Mì Quảng trộn vị và đun sôi. Có thể thêm vào các nguyên liệu tùy thích như xương bò, các loại thịt bò,... để tăng thêm hương vị.

Túi 60g sốt định lượng với 1 lít nước (điều chỉnh lượng nước theo khẩu vị mặn nhạt)

B2: Luộc sợi bún qua nước sôi từ 1-2 phút sau đó vớt ra để ráo nước.

B3: Cho mì Quảng ra tô, xếp các nguyên liệu lên trên rồi thêm nước dùng.

Hướng dẫn bảo quản: Để nơi đảm bảo an toàn vệ sinh, nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nhiệt độ cao, tránh ánh nắng mặt trời trực tiếp.

Túi sốt: Bảo quản tủ mát sau khi khai mở và dùng hết trong vòng 7 ngày.

Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng với người dị ứng với các thành phần có trong sản phẩm
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng, hoặc bị nấm mốc.

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Thời hạn sử dụng: 12 tháng, kể từ ngày sản xuất

Số tự công bố: 09/ HTX NNBV QUẢNG NAM /2023

THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ SẢN PHẨM:

Sản phẩm của: Công ty TNHH Hapinut

Địa chỉ: 232/6 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM

Xuất xứ: Việt Nam

Nhà sản xuất: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG QUẢNG NAM

Địa chỉ sản xuất: Thôn Hà Nha, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, Quảng Nam



Tên khách hàng/ Customer	HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BÈN VỮNG QUẢNG NAM		
Địa chỉ/ Address	Đội 4, Thôn Hà Nha, Xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.		
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving	10/06/2023 June 10 th , 2023	Ngày trả kết quả/ Date of issuance	17/06/2023 June 17 th , 2023
Ngày thực hiện/ Testing date	10/06/2023 June 10 th , 2023		
Tên mẫu/ Name of sample	QUẢNG NOODLE KIT (Bộ Mì Quảng trộn vị) (MÌ QUẢNG)		
Tình trạng mẫu/ State of sample	Mẫu đựng trong túi nhựa/ Sample in plastic bag.		
Ghi chú/ Note	Không có/ NA.		

Kết quả thử nghiệm được trình bày ở trang sau/ Testing results are reported in next pages.

TRƯỜNG PHÒNG
HEAD OF LAB



Nguyễn Thị Nhật Hiếu

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Hoàng Tường Vi

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.



KẾT QUẢ RESULT

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	LOQ	KẾT QUẢ RESULT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C <i>Total plate count at 30°C</i>	CFU/g	TCVN 4884-1: 2015 ^(a) (ISO 4833-1: 2013)	-	9,5 × 10 ¹
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	TCVN 6848:2007 ^(a) (ISO 4832:2006)	-	<10
3	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 6846:2007 ^(a) (ISO 7251:2005)	-	0
4	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992 : 2005 ^(a) (ISO 7932: 2004)	-	<10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 ^(a) (ISO 6888-1:1999, With Amd. 1:2003)	-	<10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005 ^(a) (ISO 7937:2004)	-	<10
7	Tổng số nấm men và nấm mốc <i>Total yeast and mold</i>	CFU/g	TCVN 8275-2:2010 ^(a) (ISO 21527-2:2008)	-	5,0 × 10 ¹
8	Hàm lượng Chì (Pb) <i>Lead content</i>	mg/kg	TCVN 8126:2009 ^(a)	0,08	KPH/ND
9	Hàm lượng Cadimi (Cd) <i>Cadmium content</i>	mg/kg	TCVN 8126:2009 ^(a)	0,008	KPH/ND
10	Hàm lượng Aflatoxin tổng <i>Total aflatoxin content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021 ^(a)	2	KPH/ND
11	Hàm lượng Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1 content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021 ^(a)	0,5	KPH/ND
12	Hàm lượng Ochratoxin A <i>Ochratoxin A content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-596:2021 ^(a)	1	KPH/ND
13	Hàm lượng Zearalenone <i>Zearalenone content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-597:2021 ^(a)	20	KPH/ND
14	Hàm lượng Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-597:2021 ^(a)	50	KPH/ND

Ghi chú: (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025), (s): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, (s'): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ được chỉ định, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, (*): Chỉ tiêu được chỉ định, KPH/ND: Không phát hiện/Not detected; (a): Items are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025), (s): Items are tested by subcontractor, (s'): Items are tested by appointed subcontractor, LOD: Limit of detection, LOQ: Limit of quantitation, (*): Items are appointed.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.

Tên khách hàng/ Customer	HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG QUẢNG NAM		
Địa chỉ/ Address	Đội 4, Thôn Hà Nha, Xã Đại Đồng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.		
Ngày nhận mẫu/	12/06/2023	Ngày trả kết quả/	17/06/2023
Date of receiving	June 12 th , 2023	Date of issuance	June 17 th , 2023
Ngày thực hiện/	12/06/2023		
Testing date	June 12 th , 2023		
Tên mẫu/ Name of sample	QUẢNG NOODLE KIT (Bộ Mì Quảng trộn vị) (Gói sốt Quảng trộn vị)		
Tình trạng mẫu/ State of sample	Mẫu chứa trong bao bì kín/ Samples in sealed packaging.		
Ghi chú/ Note	Không có/ NA.		

Kết quả thử nghiệm được trình bày ở trang sau/ Testing results are reported in next pages.

TRƯỞNG PHÒNG
HEAD OF LAB



Nguyễn Thị Nhật Hiếu

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



Hoàng Tường Vi

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.



KẾT QUẢ RESULT

STT No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETER	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	LOQ	KẾT QUẢ RESULT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí tại 30°C <i>Total plate count at 30°C</i>	CFU/g	TCVN 4884-1: 2015 ^(a) (ISO 4833-1: 2013)	-	7,5 x 10 ¹
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	TCVN 6848:2007 ^(a) (ISO 4832:2006)	-	<10
3	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 6846:2007 ^(a) (ISO 7251:2005)	-	0
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1:2005 ^(a) (ISO 6888-1:1999, With Amd. 1:2003)	-	<10
5	Tổng số nấm men và nấm mốc <i>Total yeast and mold</i>	CFU/g	TCVN 8275-1:2010 ^(a) (ISO 21527-1:2008)	-	<10
6	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1: 2017 ^(a) (ISO 6579-1:2017)	-	KPH/ND
7	Hàm lượng Asen (As) <i>Arsenic content</i>	mg/kg	VLAB-CH-TP-200: 2021 ^(a) (Ref. AOAC 986.15)	0,08	KPH/ND
8	Hàm lượng Chì (Pb) <i>Lead content</i>	mg/kg	TCVN 8126:2009 ^(a)	0,08	KPH/ND
9	Hàm lượng Cadimi (Cd) <i>Cadmium content</i>	mg/kg	TCVN 8126:2009 ^(a)	0,008	KPH/ND
10	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) <i>Mercury content</i>	mg/kg	VLAB-CH-TP-201: 2021 ^(a) (Ref. AOAC 971.21)	0,04	KPH/ND
11	Hàm lượng Aflatoxin tổng <i>Total aflatoxin content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021 ^(a)	2	KPH/ND
12	Hàm lượng Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1 content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-599:2021 ^(a)	0,5	KPH/ND
13	Hàm lượng Ochratoxin A <i>Ochratoxin A content</i>	µg/kg	VLAB-CH-TP-596:2021 ^(a)	1	KPH/ND

Ghi chú: (a): Chỉ tiêu được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025), (s): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ, (s'): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ được chỉ định, LOD: Giới hạn phát hiện, LOQ: Giới hạn định lượng, (*): Chỉ tiêu được chỉ định, KPH/ND: Không phát hiện/Not detected; (a): Items are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025), (s): Items are tested by subcontractor, (s'): Items are tested by appointed subcontractor, LOD: Limit of detection, LOQ: Limit of quantitation, (*): Items are appointed.

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, ký hiệu mẫu theo khách hàng gửi. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Test results are valid only on tested sample, name of sample as the client's requirement. Time- limit of storage: 7 days from the reporting date.